TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/KDTM-ST
Ngày: 27-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm

2. Ông Nguyễn Văn Phú

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2025/TLST - KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST - KDTM ngày 10 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 48/2026/QĐST - KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; Trụ sở: Số H đường L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Ngô Chí D, năm sinh 1968; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Lý B; Căn cước công dân số: 064201013726; Địa chỉ liên hệ: Tầng A, Tòa nhà A, số I đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 999/2025/UQN-TP ngày 20 tháng 5 năm 2025. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần X; Trụ sở: Số B đường H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Minh P, năm sinh 1988; Địa chỉ thường trú: Số B đường P, tổ A, khu phố I, phường T, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các bản khai của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (viết tắt V1) trình bày: V1 với Công ty Cổ phần X (viết tắt Công ty) ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 18 tháng 3 năm 2024 và theo thỏa thuận, V1 cho Công ty vay 100.000.000 đồng có thời hạn 60 tháng, lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng là 34%/năm và lãi suất thẻ tín dụng trong hạn này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định tại Điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm được công bố trên website. Do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ, V1 đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn và tính đến ngày 27 tháng 3 năm 2026, Công ty còn nợ 150.764.914 đồng, bao gồm: tiền nợ vốn 96.960.941 đồng, tiền nợ lãi 53.803.973 đồng. V1 yêu cầu Công ty trả số tiền nợ nêu trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký cho đến khi trả xong.

* Bị đơn Công ty Cổ phần X vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Ông Phan Lý B là người đại diện hợp pháp của V1 xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Công ty Cổ phần X vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của V1 là có cơ sở và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: V1 yêu cầu Công ty trả tiền nợ vốn, tiền nợ lãi theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 18 tháng 3 năm 2024. Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0315235728 đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 14 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp thể hiện Công ty có trụ sở chính tại địa chỉ: số B đường H, Phường D, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Công ty đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Công ty vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Như vậy, Công ty đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật này. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt Công ty là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa V1 và Công ty. Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm các bên giao kết với nhau là tự nguyện, đúng pháp luật về hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 6, Điều 8, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 398, Điều 399, Điều 400, Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về yêu cầu trả tiền nợ vốn: Xét giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 18 tháng 3

năm 2024 giữa V1 với Công tX thì Công ty vay 100.000.000 đồng có thời hạn 60 tháng và V1 đã giải ngân cho Công ty là 96.960.941 đồng. Do, Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V1 khởi kiện yêu cầu Công ty trả tiền nợ vốn 96.960.941 đồng là có cơ sở.

[2.3] Về yêu cầu trả tiền nợ lãi: Xét giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 18 tháng 3 năm 2024 thì hai bên thỏa thuận tiền lãi được quy định là 34%/năm và lãi suất thẻ tín dụng trong hạn này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định tại Điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm. Hội đồng xét xử nhận thấy tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật" và thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật hoặc bị Ngân hàng N1 khống chế theo khoản 3 Điều 91 nêu trên. Do đó, có đủ cơ sở xác định mức lãi suất 34%/năm là phù hợp quy định pháp luật và được chấp nhận làm căn cứ tính lãi. Tính đến ngày 27 tháng 3 năm 2026, tiền lãi mà Công ty còn nợ là 53.803.973 đồng, Do đó, V1 yêu cầu Công ty trả tiền lãi còn nợ nêu trên là có cơ sở.

Từ những nhận định trên áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của V1 buộc Công ty trả tiền nợ vốn và tiền nợ lãi là 150.764.914 đồng.

[2.4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định "Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật..."; "Mức lãi suất hai bên thỏa thuận hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn". Hội đồng xét xử xét thấy Ngân hàng yêu cầu Công ty phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 28 tháng 3 năm 2026 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại giấy đề nghị kiêm hợp đồng là có cơ sở.

[2.5] Về thời hạn trả nợ: Công ty vay tiền của V1 nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ, điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của V1, thời gian vay đã lâu nên V1 yêu cầu Công ty trả tiền nợ vốn và tiền nợ lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[2.6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty phải trả cho V1 số tiền 150.764.914 đồng nên Công ty phải chịu án phí là 7.538.246 đồng theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. V1 được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 2.651.857 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 399, Điều 400, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 6, Điều 8, Điều 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật phí và Lệ phí;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần X trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 150.764.914 (Một trăm năm mươi triệu, bảy trăm sáu bốn nghìn, chín trăm mười bốn) đồng, bao gồm: tiền nợ vốn 96.960.941 (Chín sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, chín trăm bốn mốt) đồng, tiền nợ lãi 53.803.973 (Năm ba triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, chín trăm bảy ba) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi

thi hành án xong. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà Công ty Cổ phần X phải tiếp tục trả cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V cho vay.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần X phải chịu số tiền 7.538.246 (Bảy triệu, năm trăm ba tám nghìn, hai trăm bốn sáu) đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 2.651.857 (Hai triệu, sáu trăm năm mốt nghìn, tám trăm năm bảy) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0080627 ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Thi hành án dân sự Thành phố H (khu vực 4).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (khu vực 4);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Tuấn Nhu